

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HSST

Ngày: 14/8/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Anh

2. Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2020/TLST- HS ngày 15 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

- Võ Nhựt K; sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp G, xã T, thị xã K, tỉnh Long An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Võ Nhựt N, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960; có vợ Lâm Thị K, sinh năm 1985 và hai con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh 2009; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 22/4/2020 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Ông Lê Văn T, sinh năm 1957; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố N, Phường H, thị xã K, tỉnh Long An.

Ông Đặng Xuân C, sinh năm 1971; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố H, Phường M, thị xã K, tỉnh Long An.

Ông Trần Hoài L, sinh năm 1970; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố N, Phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

- Người làm chứng: Bà Tô Thị T, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Văn C, VPLS Trần Văn C thuộc đoàn luật sư tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Nhật K, sinh năm: 1984, hộ khẩu thường trú: ấp G, xã T, thị xã K, tỉnh Long An do không có tiền tiêu xài nên đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. K lên mạng Internet đặt làm 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá mỗi giấy là 1.500.000 đồng của người (không rõ tên và địa chỉ) ở thành phố Hồ Chí Minh. Từ ngày 25/12/2017 đến ngày 04/02/2018, K đã sử dụng 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để cầm cố vay tiền chiếm đoạt tiền của Lê Văn T, sinh năm: 1957, hộ khẩu thường trú: khu phố N, Phường H, thị xã K, tỉnh Long An; Đặng Xuân C, sinh năm: 1971, hộ khẩu thường trú: khu phố 2, Phường 1, thị xã K, tỉnh Long An và Trần Hoài L, sinh năm 1970, hộ khẩu thường trú: khu phố N, Phường 1, thị xã K, tỉnh Long An, hiện đang tạm trú: ấp Ô, xã B, thị xã K, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 25/12/2017, K sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả do K đứng tên chủ sở hữu, đất tọa lạc tại xã T, huyện H do Ủy ban nhân dân huyện H cấp để thế chấp vay tiền của Lê Văn T tại khu phố N, Phường H, thị xã K số tiền 150.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào ngày 25/12/2017, K sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả do K đứng tên chủ sở hữu, đất tọa lạc tại xã B, huyện B do Ủy ban nhân dân huyện B cấp để thế chấp vay tiền của ông Đặng Xuân C tại khu phố H, Phường M, thị xã K số tiền 30.000.000 đồng. Đến ngày 26/12/2017, K vay thêm 50.000.000 đồng, tổng cộng 80.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào ngày 05/02/2018, K nhờ Tô Thị T, sinh năm: 1986 ngụ ấp Ô, xã B, thị xã K giới thiệu, K sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả do K đứng tên chủ sở hữu, đất tọa lạc tại xã Bình Hòa Trung, huyện H do Ủy ban nhân dân huyện H cấp để thế chấp vay tiền của ông Trần Hoài L tại ấp Ô, xã B, thị xã K số tiền 50.000.000 đồng. Đến ngày 09/02/2018, K vay thêm 10.000.000 đồng, tổng cộng 60.000.000 đồng.

Trong các lần vay tiền, K có làm giấy nợ viết tay và thỏa thuận về thời hạn trả cũng như lãi suất. Do đến hạn nhưng K không trả nợ nên ông T, ông L đến văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện H xác định nội dung 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà K dùng để thế chấp là không có thật. Sau đó vụ việc được chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H giải quyết.

Tang vật tạm giữ: 02 giấy biên nhận ngày 25/12/2017, 01 giấy biên nhận ngày 26/12/2017, giấy vay nợ ngày 05/2/2018 và 09/2/2018, 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất người sử dụng Võ Nhật K.

Tại kết luận giám định số: 305/2018/KLGD ngày 20/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BV 156550 là giả.

Tại kết luận giám định số: 306/2018/KLGD ngày 20/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BQ 368932 là giả.

Tại Kết luận giám định số: 158/2020/KLGD ngày 20/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận: “Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BP 860439 (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A) là giả

Tại Kết luận giám định số: 71 ngày 21/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận: chữ viết bắt đầu “Biên nhận..” và kết thúc “.. Võ Nhựt K” bằng bút bic màu xanh, trên tờ “Biên nhận” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A1); chữ viết bắt đầu “Giấy vay tiền...” và kết thúc “... Võ Nhựt K” bằng bút bic màu xanh (trừ dòng chữ viết “Niều trên 20 ngày tính lãi 2% 1 năm” ở dưới trái các từ “Kiến Tường 26/12/17”), trên tờ “Giấy vay tiền” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A2); chữ viết bắt đầu “Giấy vay tiền...” và kết thúc “... Ngày trả 10/1/2017” bằng bút bic màu xanh, trên tờ “Giấy vay tiền” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A3), chữ viết bắt đầu “Cộng Hòa...” và kết thúc “...Người làm chứng Bên mượn” bằng bút bic màu xanh trên tờ “Giấy vay nợ”, chữ viết bắt đầu “Hôm Nay...” và kết thúc “...Võ Nhựt K” bằng bút bic màu xanh trên tờ biên nhận (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A4) với: Chữ viết bắt đầu “Võ Nhựt K...” và kết thúc “...Tôi đã làm” bằng bút bic màu xanh, trên tờ “Bản tự khai” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M1); chữ viết bắt đầu “Võ Nhựt K...” và kết thúc “...Võ Nhựt K” bằng bút bic màu xanh, trên tờ “Bản tự khai (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M2) là do cùng một người viết ra.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSND-MH ngày 15/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An đã truy tố: Bị cáo Võ Nhựt K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 174 và tội “sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điểm b, c, Khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường giữ nguyên cáo trạng đã truy tố, đề nghị: Kết luận hành vi của bị cáo Võ Nhựt K là phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 174 và tội “sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điểm b, c, Khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Về hình phạt đối với tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đề nghị áp dụng Điều 38, Điều 50, Điều 54 và các Điểm b, s, Khoản 1, Khoản 2, Điều 51, Điểm g, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Võ Nhựt K từ 4 năm đến 5 năm tù;

Về hình phạt đối với tội “sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, đề nghị áp dụng Điều 38, Điểm s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điểm g, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Võ Nhựt K từ 3 năm đến 4 năm tù; Tổng hợp hình phạt hai tội, áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử bị cáo K phải chấp hành hình phạt chung từ 7 năm đến 9 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Võ Nhựt K có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Lê Văn T yêu cầu K bồi thường số tiền 150.000.000 đồng, ông Đặng Xuân C yêu cầu bồi thường số tiền 80.000.000 đồng và ông Trần Hoài L yêu cầu bồi thường số tiền 60.000.000 đồng. K và gia đình đã khắc phục cho ông L 60.000.000 đồng xong, bồi thường cho ông Cường được 12.000.000 đồng, riêng đối với ông T chưa bồi thường. Do đó, đề nghị Hội

đồng xét xử buộc bị cáo Võ Nhựt K phải tiếp tục bồi thường cho ông Lê Văn T số tiền là 150.000.000đ và bồi thường cho ông Đặng Xuân C số tiền là 68.000.000đ.

Đối với người bán giấy tờ giả cho K không biết rõ họ tên và địa chỉ cụ thể, việc mua bán được thực hiện trên mạng Internet, giao nhận giấy ngoài đường thuộc quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, sau khi giao dịch xong đã bị xóa thông tin liên lạc nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm đối với người bán, khi nào làm rõ có căn cứ xử lý sau, nên không xem xét trong vụ án này.

Đối với Tô Thị T là bạn của K có giới thiệu cho Trần Hoài L cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của K để vay tiền, nhưng Tuyên không biết giấy đó là giả và cũng không có hưởng lợi trong vụ việc này nên không đề cập xem xét trách nhiệm liên quan.

Ngoài ra, vào ngày 26/01/2017, K mượn xe mô tô biển số 62T1-091.73 của Lương Hoàng Nhân, sinh năm: 1992, hộ khẩu thường trú; ấp Hương Trang, xã Bình Hòa Trung, huyện H, tỉnh Long An là bạn của K sau đó đem đi cầm cố nhưng được sự đồng ý của Nhân. Xét thấy đây là giao dịch dân sự nên không truy cứu trách nhiệm đối với K trong vụ án này.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Văn C, VPLS Trần Văn C thuộc đoàn luật sư tỉnh Long An phát biểu: Luật sư thống nhất đối với các tội danh mà Viện kiểm sát truy tố, tuy nhiên cho rằng việc áp dụng tình tiết tăng nặng tại Điểm g, Khoản 1, Điều 52 Bộ Luật hình sự đối với bị cáo là chưa phù hợp vì đã áp dụng tình tiết đó để định khung thì không được áp dụng là tình tiết tăng nặng.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị V không yêu cầu bị cáo K phải hoàn trả số tiền khắc phục hậu quả thay cho bị cáo nên không xem xét.

Bị cáo nói lời nói sau cùng, bị cáo ăn năn, hối cải và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án nên có cơ sở xác định: Vào khoảng tháng 12/2017, Võ Nhựt K do không có tiền tiêu xài nên đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng hình thức lên mạng Internet đặt mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Từ tháng 12/2017 đến 02/2018, tại địa bàn thị xã Kiến Tường, K đã sử dụng 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả do K đứng tên thế chấp vay của ông Lê Văn T số tiền 150.000.000 đồng, ông Đặng Xuân C số tiền 80.000.000 đồng và ông Trần Hoài L số tiền 60.000.000 đồng, K chiếm đoạt của 03 bị hại tổng số tiền 290.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

[2] Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành các tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 174 và tội “sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điểm b, c, Khoản 3, Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, cáo trạng của Viện

kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An đã truy tố bị cáo về tội danh, điều, khoản nêu trên là có căn cứ.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo K được xem xét như sau: Trong cả hai hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện đều từ hai lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần quy định tại Điểm g, Khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đối với hành vi phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại Điểm b, Điểm s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là chưa có tiền án, tiền sự; được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật; Đối với hành vi phạm tội “sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” bị cáo K có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại Điểm s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là chưa có tiền án, tiền sự; được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, do đó đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo là không được chấp nhận.

[4] Tuy nhiên, các hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác và xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính mà pháp luật hình sự nghiêm cấm, bản thân bị cáo là người đã trưởng thành và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn có ý thực hiện nên cần phải áp dụng một hình phạt tù có thời hạn mới tương xứng với hành vi của bị cáo và có đủ tác dụng giáo dục đồng thời mang tính phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về vật chứng: Gồm các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BV 156550; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BQ 368932; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BP 860439 được lưu trong hồ sơ vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo K đã chiếm đoạt của ông Lê Văn T số tiền 150.000.000 đồng, ông Đặng Xuân C số tiền 80.000.000 đồng và ông Trần Hoài L số tiền 60.000.000 đồng. Nhưng K và gia đình chỉ mới khắc phục cho ông L 60.000.000 đồng xong và khắc phục cho ông Cường được 12.000.000 đồng, riêng đối với ông T chưa khắc phục. Do đó cần buộc bị cáo K phải tiếp tục hoàn trả cho ông Lê Văn T số tiền 150.000.000đ và hoàn trả cho ông Đặng Xuân C số tiền 68.000.000đ là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị V không yêu cầu bị cáo K phải hoàn trả số tiền khắc phục hậu quả thay cho bị cáo nên không xem xét.

[9] Đối với người bán giấy tờ giả cho K không biết rõ họ tên và địa chỉ cụ thể, việc mua bán được thực hiện trên mạng Internet, giao nhận giấy ngoài đường thuộc quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, sau khi giao dịch xong đã bị xóa thông tin liên lạc nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm đối với người bán, khi nào làm rõ có căn cứ xử lý sau, nên không xem xét trong vụ án này.

[10] Đối với Tô Thị T là bạn của K có giới thiệu cho Trần Hoài L cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của K để vay tiền, nhưng Tuyên không biết giấy đó là giả và cũng không có hưởng lợi trong vụ việc này nên không đề cập xem xét trách nhiệm liên quan.

[11] Ngoài ra, vào ngày 26/01/2017, K mượn xe mô tô biển số 62T1-091.73 của Lương Hoàng Nhân, sinh năm: 1992, hộ khẩu thường trú; ấp Hương Trang, xã Bình Hòa Trung, huyện H, tỉnh Long An là bạn của K sau đó đem đi cầm cố nhưng được sự đồng ý của Nhân. Xét thấy đây là giao dịch dân sự nên không truy cứu trách nhiệm đối với K trong vụ án này.

[12] Án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Căn cứ theo hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều tuân thủ đúng quy định bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm a, Khoản 3, Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Tuyên bố: Bị cáo Võ Nhựt K phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Căn cứ vào Điều 38, Điều 50, Điều 54, Điểm g, Khoản 1, Điều 52 và các Điểm b, s, Khoản 1, Khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Võ Nhựt K 4 (bốn) năm tù.

Căn cứ vào Điểm b, c, Khoản 3, Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Tuyên bố: Bị cáo Võ Nhựt K phạm tội “sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ vào Điều 38, Điều 50, Điểm g, Khoản 1, Điều 52 và Điểm s, Khoản 1, Khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Võ Nhựt K 3 (ba) năm tù.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Tổng hợp hình phạt chính đối với hai tội nêu trên là 7 (bảy) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 22/4/2020.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Võ Nhựt K thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm cho công tác thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 166, 584, 585, 586 Bộ luật Dân sự; Buộc bị cáo Võ Nhựt K

hoàn trả cho ông Lê Văn T số tiền 150.000.000đ và hoàn trả cho ông Đặng Xuân C số tiền 68.000.000đ;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên có nghĩa vụ chưa thi hành số tiền trên thì phải thi hành toàn bộ số tiền còn phải thi hành và khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Buộc bị cáo Võ Nhựt K phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 10.900.000đ án phí Dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND Tx.Kiến Tường;
- Công an Tx.Kiến Tường;
- Chi cục THADS Tx.Kiến Tường;
- UBND xã T;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Vũ Khanh

